

BẢN TIN PHÁP LUẬT

(Bộ môn Luật Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ban biên tập

Người thực hiện

: Hoàng Minh Thái

Chịu trách nhiệm kiểm soát về nội dung

: PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu

Bản tin được xác định là tài sản của Ban biên tập, cấm vi phạm

Một số quy định về quản lý tài sản nhà nước (Cập nhật đến ngày 31 tháng 10 năm 2014)

Vừa qua, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2014 vừa được Chính phủ hoàn thành đã cho thấy nhiều thực trạng đáng lo ngại. Ở nhiều nơi, việc sử dụng tài sản công còn lãng phí, không đạt được mục tiêu đầu tư đặt ra. Bài viết tuần này, bản tin cập nhật một số quy định về quản lý tài sản (Cập nhật đến ngày 31 tháng 10 năm 2014) được thực hiện bởi **Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 8 – Thành phố Hồ Chí Minh**.

1. Phân cấp quản lý tài sản nhà nước

Thẩm quyền quyết định sửa chữa, mua sắm, thuê, cho thuê, sử dụng vào kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết, thu hồi, điều chuyển, bán, chuyển đổi hình thức sở hữu, thanh lý, tháo dỡ tài sản nhà nước: Thực hiện theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 04/02/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự

Trong số này:

1. Một số quy định về quản lý tài sản nhà nước

1

ngiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; Công văn số 6793/UBND-TC ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân quận.

a) Việc mua sắm tài sản (bao gồm cả nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp) căn cứ vào dự toán hàng năm được giao, kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

b) Đối với sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm cả nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp), căn cứ dự toán được giao hàng năm, kế hoạch được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt:

- Trường hợp giá trị công trình dưới 500 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng) không phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:

Thủ trưởng đơn vị thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán,

chỉ định thầu đơn vị thi công, ký hợp đồng thi công, tổ chức giám sát việc thực hiện và nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định và quản lý của mình.

Sau khi công trình hoàn thành, trong thời hạn 30 ngày từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng: Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình theo quy định; gửi quyết định phê duyệt quyết toán công trình về Phòng Tài chính - Kế hoạch chậm nhất 05 ngày sau khi phê duyệt.

- Trường hợp giá trị công trình từ 500 triệu đồng đến dưới 3 tỷ đồng (Ba tỷ đồng):

Thủ trưởng đơn vị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình, trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định; lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Sau khi báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, đơn vị tiến hành các bước tiếp theo của quy trình quản lý dự án đầu tư theo quy định. Sau khi công trình hoàn thành, trong thời hạn 30 ngày từ ngày ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng, thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ quyết toán

công trình gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

c) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hẻm từ vốn sự nghiệp kinh tế và vận động đóng góp của nhân dân nộp vào ngân sách phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình gửi Phòng Quản lý đô thị thẩm định trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

Sau khi báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, Ủy ban nhân dân phường tiến hành các bước tiếp theo của quy trình quản lý dự án đầu tư theo quy định. Sau khi công trình hoàn thành, trong thời hạn 30 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường lập hồ sơ quyết toán gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

d) Bàn giao tài sản đối với các công trình, dự án đầu tư

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận từ nhà thầu xây dựng, chủ đầu tư xây dựng phải bàn giao tài sản hình thành do đầu tư cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng. Việc bàn giao phải lập thành biên bản theo mẫu quy định (hiện nay là Thông tư số 122/2007/TT-BTC ngày 18/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 43TC/QLCS ngày 31/7/1996 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận và bàn giao tài sản giữa các cơ quan hành

chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền).

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, tiếp nhận bàn giao, đơn vị quản lý sử dụng tài sản hạch toán tăng tài sản trên sổ sách kế toán theo quy định (Công văn số 7925/STC-CS ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Sở Tài chính).

2. Thủ tục mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên

- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013.

- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ (trong đó gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên có giá trị không quá 100 triệu đồng được chỉ định thầu theo Điều 54, quy trình chỉ định thầu thực hiện theo Điều 55).

- Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, nhưng bảo đảm không trái với Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

a) Nội dung mua sắm tài sản gồm:

- Trang thiết bị, phương tiện làm việc quy định tại Quyết định số 170/2006/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của các cơ quan và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

- Vật tư, công cụ, dụng cụ bảo đảm hoạt động thường xuyên.

- Máy móc, trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn, phục vụ an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy.

- May sắm trang phục ngành (gồm cả mua sắm vật liệu và công may).

- Mua sắm các sản phẩm công nghệ thông tin gồm: Máy móc, thiết bị, phụ kiện, phần mềm và các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin khác, bao gồm cả lắp đặt, chạy thử, bảo hành (nếu có) thuộc dự án công nghệ thông tin sử dụng vốn sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Phương tiện vận chuyển: ô tô, xe máy, tàu, thuyền, xuồng và các phương tiện vận chuyển khác (nếu có).

- Sản phẩm in, tài liệu, biểu mẫu, ấn phẩm, ấn chỉ, tem; văn hoá phẩm, sách, tài liệu, phim ảnh và các sản phẩm, dịch vụ để tuyên truyền, quảng bá và phục vụ cho công tác chuyên môn nghiệp vụ.

- Thuê các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; dịch vụ thuê trụ sở làm việc và tài sản khác; dịch vụ thuê đường truyền dẫn; dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ cung cấp điện, nước, điện thoại cố định và các dịch vụ khác.

- Dịch vụ tư vấn bao gồm: Tư vấn lựa chọn công nghệ, tư vấn đề phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu và các dịch vụ tư vấn trong mua sắm khác;

- Bản quyền sở hữu công nghiệp, sở hữu trí tuệ (nếu có).

- Các loại hàng hóa, dịch vụ khác được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Các loại hàng hóa, tài sản, dịch vụ nêu trên, sau đây gọi chung là tài sản.

Không áp dụng đối với các trường hợp: Mua sắm vật tư, trang thiết bị thuộc dự án; mua sắm trang thiết bị, phương tiện đặc thù chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.

b) Các hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

Nghiêm cấm việc chia dự toán mua sắm thành các gói thầu trái quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; quyết định mua sắm tài sản, phê duyệt kế

hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu không đảm bảo theo thẩm quyền.

c) Trường hợp mua sắm đối với gói thầu mua sắm tài sản có giá gói thầu không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với điều kiện nội dung mua sắm là các hàng hoá thông dụng, sẵn có trên thị trường để phục vụ cho các hoạt động có tính chất thường xuyên diễn ra hàng ngày của các cơ quan, đơn vị (gồm mua sắm nhỏ lẻ tài sản mới, tài sản để thay thế tài sản hỏng; mua sắm phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động thường xuyên; dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển; mua sắm phục vụ yêu cầu cấp thiết, đột xuất):

- Gói thầu có giá gói thầu từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến không quá 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng): cơ quan, đơn vị mua sắm lấy báo giá của ít nhất ba nhà thầu khác nhau (báo giá trực tiếp, bằng fax hoặc qua đường bưu điện) làm cơ sở để lựa chọn nhà thầu tốt nhất. Kết quả chọn thầu phải bảo đảm chọn được nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ tư vấn tối ưu nhất về chất lượng, giá cả và một số yêu cầu khác (nếu có) như thời hạn cung cấp hàng hoá, các yêu cầu về bảo hành, đào tạo, chuyển giao, không phân biệt nhà thầu trên cùng địa bàn hoặc khác địa bàn.

- Gói thầu có giá gói thầu dưới 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc mua sắm cho phù hợp, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình; đồng thời phải đảm bảo chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật; nếu có điều kiện để thực hiện thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm tài sản quyết định thực hiện theo hướng dẫn đối với gói thầu có giá gói thầu từ 20.000.000 đồng đến không quá 100.000.000 đồng như trên.

3. Kiểm kê tài sản

a) Kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau:

- Cuối kỳ kế toán năm, trước khi lập báo cáo tài chính.
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chấm dứt hoạt động.
- Xảy ra hỏa hoạn, lũ lụt và các thiệt hại bất thường khác.
- Đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh

số chênh lệch và kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.

4. Chế độ quản lý tài sản cố định

Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước.

a) Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình là tài sản mang hình thái vật chất, có kết cấu độc lập, hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, thoả mãn đồng thời cả 2 tiêu chuẩn:

- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên.
- Có nguyên giá từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên.

Ngoài ra, những tài sản sau đây có nguyên giá từ 5 triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng và có thời gian sử dụng trên một năm, vẫn coi là tài sản cố định hữu hình:

- Máy móc, thiết bị văn phòng: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu, máy huỷ tài liệu, máy đun nước, thiết bị lọc nước, máy hút ẩm, máy hút bụi, máy điều hoà không khí, tủ lạnh, tủ đá, máy giặt, thiết bị nghe nhìn, thiết bị lưu trữ thông tin dữ liệu, thiết bị phòng

cháy chữa cháy, bộ bàn ghế, tủ, két sắt,...

- Máy móc thiết bị dùng cho công tác chuyên môn: Máy công cụ, máy móc thiết bị đo lường phân tích, máy móc thiết bị thí nghiệm,...

- Phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện vận tải đường bộ khác); phương tiện vận tải đường thủy (ca nô, xuồng máy các loại; tàu thủy các loại; ghe thuyền các loại, phương tiện vận tải đường thủy khác); Phương tiện vận tải đường không (máy bay các loại),...

- Phương tiện truyền dẫn: Hệ thống dây điện thoại, tổng đài điện thoại, phương tiện truyền dẫn điện,...

- Thiết bị, dụng cụ quản lý: Bàn, ghế, tủ, giá kệ đựng tài liệu,...

- Tài sản cố định khác.

b) Trích khấu hao đối với tài sản cố định

Mọi tài sản cố định của các cơ quan, đơn vị sử dụng vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, góp vốn liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới hoặc cho thuê (nếu có) đều phải trích khấu hao tài sản. Việc trích khấu hao đối với những tài sản này được thực hiện như sau:

- Đối với tài sản cố định sử dụng toàn bộ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; được đưa vào góp vốn, liên kết

không hình thành pháp nhân mới hoặc cho thuê (nếu có), cơ quan, đơn vị phải thực hiện trích khấu hao theo chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định tại các doanh nghiệp.

- Đối với những tài sản cố định vừa sử dụng phục vụ theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, vừa được sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; cơ quan, đơn vị phải tính toán phân bổ khấu hao căn cứ vào thời gian, số lần sử dụng hoặc khối lượng công việc hoàn thành cho phù hợp.

Khấu hao tài sản cố định của cơ quan, đơn vị được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc chi phí trong hoạt động liên doanh, liên kết. Số tiền trích khấu hao tài sản cố định của cơ quan, đơn vị được sử dụng theo quy định của pháp luật. Từ năm 2010, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính (Phụ lục số 2 được đính chính theo Quyết định số 2841/QĐ-BTC ngày 16/11/2009).

5. Báo cáo kê khai tài sản nhà nước

- Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

- Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

a) Báo cáo kê khai với Phòng Tài chính - Kế hoạch những loại tài sản sau đây:

- Trụ sở làm việc, quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất.

- Xe ô tô các loại.

- Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

Đối với những tài sản đã lập Tờ khai đăng ký (theo Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10/4/2007 của Bộ Tài chính) thì tiếp tục sử dụng Tờ khai đã lập, không phải lập lại.

Đơn vị phải báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; giá trị tài sản sẽ được điều chỉnh sau khi quyết toán vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu:

Đơn vị lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản, kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản).

- Gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản về Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Lưu trữ 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai bổ sung:

Khi có thay đổi thông tin về tài sản thì đơn vị lập báo cáo kê khai bổ sung gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

- Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

- Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

- Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

- Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

- Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC.

d) Đối với những tài sản cố định không thuộc phạm vi kê khai, đơn vị lập Thẻ tài sản cố định theo Mẫu số 01-TSCĐ/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC để theo dõi, hạch toán theo chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp đã lập Thẻ tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 35/2007/TT-BTC thì tiếp tục sử dụng Thẻ tài sản cố định đã lập, không phải lập lại.

6. Mua hàng sản xuất trong nước

- Chỉ thị số 494/CT-TTg ngày 20/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

- Công văn số 572/BTC-HCSN ngày 13/01/2010 của Bộ Tài chính về việc thực hiện mua hàng sản xuất trong nước.

a) Hàng hóa được sản xuất trong nước là những loại hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế sản xuất, gia công hoặc lắp ráp toàn bộ hàng hóa hoặc thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Các đơn vị mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị, dịch vụ (gọi tắt là hàng hóa) phục vụ hoạt động thường xuyên, sửa chữa, duy tu, nâng cấp tài sản, trụ sở, đầu tư xây dựng ưu tiên sử dụng hàng hóa được sản xuất trong nước (trừ trường hợp các loại hàng hóa mà hiện tại trong nước chưa sản xuất được; hoặc đã sản xuất được nhưng không bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng của dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng; hoặc đáp ứng được yêu cầu nhưng có giá cả không đảm bảo yếu tố cạnh tranh).

c) Khi sử dụng nguồn kinh phí được bố trí từ ngân sách nhà nước đi lại bằng đường hàng không (nội địa và quốc tế), ưu tiên sử dụng dịch vụ của các hãng hàng không Việt Nam.

d) Việc ưu tiên mua sắm hàng hóa sản xuất trong nước không áp dụng đối với những trường hợp sau:

- Mua sắm hàng hóa theo quy định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

- Mua sắm hàng hóa được quy định cụ thể tại các hiệp định hoặc văn bản thỏa thuận quốc tế đối với dự án vay nợ, viện trợ nước ngoài.

- Mua sắm hàng hóa phục vụ an ninh, quốc phòng theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an cấp phép nhập khẩu.

đ) Đối với các dự án đầu tư:

- Chủ đầu tư khi khảo sát, phân tích và lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ ưu tiên sử dụng các loại hàng hóa được sản xuất trong nước ngay từ khâu lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo đầu tư và được xác định trong tổng dự toán và dự toán chi tiết của dự án.

- Cơ quan thẩm định dự án đầu tư có trách nhiệm thẩm định việc ưu tiên lựa chọn sử dụng hàng hóa được sản xuất trong nước.

e) Đối với việc mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động của đơn vị:

- Thủ trưởng đơn vị khi phê duyệt danh mục dự toán mua sắm hàng hóa: ưu tiên lựa chọn mua sắm hàng hóa được sản xuất trong nước bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc. Tránh đưa vào danh mục mua sắm các loại hàng hóa nhập khẩu mà trong nước đã sản xuất được.

- Trường hợp chủng loại hàng hóa cần mua sắm là loại hàng hóa trong nước đã sản xuất được nhưng do yêu cầu công việc đòi hỏi kỹ thuật cao chỉ có hàng nhập khẩu mới đáp ứng được thì bộ phận tham mưu phải phân tích, báo cáo

rõ căn cứ lựa chọn để thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về quyết định của mình khi mua sắm hàng hóa nhập khẩu.

- Khi mua sắm hàng hóa phải bảo đảm chứng từ chi phản ánh đầy đủ các nội dung: tên hàng hóa, nhãn hiệu hàng hóa, hàng hóa sản xuất trong nước hay hàng hóa nhập khẩu.

g) Thủ trưởng đơn vị ban hành các quy định cụ thể để thực hiện trong đơn vị ưu tiên mua sắm hàng hóa được sản xuất trong nước; hạn chế việc mua sắm hàng hóa nhập khẩu mà trong nước đã sản xuất được.

h) Trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước:

- Khi phân chia các gói thầu thuộc dự án, đề án, chương trình, dự toán đối với mua sắm thường xuyên (sau đây gọi tắt là các dự án) sử dụng vốn nhà nước, ngoài việc phải căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ của dự án, cần bảo đảm gói thầu có quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện năng lực của nhà thầu trong nước, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho các doanh nghiệp trong nước nhận được hợp đồng, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước.

- Đối với đấu thầu mua sắm hàng hóa, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước không đáp ứng được yêu cầu của gói thầu hoặc trong nước chưa đủ khả năng sản

xuất hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn ODA.

- Đối với các gói thầu xây lắp, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu hoặc đã tổ chức đấu thầu trong nước nhưng không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn ODA. Trong trường hợp này cần có cơ chế khuyến khích các nhà thầu trong nước liên danh với các nhà thầu quốc tế để học hỏi thêm kinh nghiệm và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

- Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu, trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải đưa ra yêu cầu về việc chào thầu bằng đồng Việt Nam đối với các chi phí trong nước; chỉ cho phép các nhà thầu chào thầu bằng ngoại tệ đối với các nội dung chi phí (hàng hóa, dịch vụ) có nguồn gốc từ nước ngoài khi trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu mà nhà thầu phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Nghiêm cấm các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho phép sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu thực hiện gói thầu.

7. Nguyên tắc bán, thanh lý tài sản nhà nước

a) Bán tài sản nhà nước

Tài sản nhà nước được bán trong các trường hợp sau đây:

- Không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi về tổ chức hoặc thay đổi chức năng, nhiệm vụ và các nguyên nhân khác mà không xử lý theo phương thức thu hồi hoặc điều chuyển tài sản.

- Việc sử dụng tài sản nhà nước không có hiệu quả, bao gồm: Hiệu suất sử dụng tài sản thấp (trừ tài sản chuyên dùng); không có nhu cầu sử dụng thường xuyên.

- Thực hiện sắp xếp lại việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phải thay thế tài sản do yêu cầu đổi mới kỹ thuật, công nghệ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tài sản nhà nước bị thu hồi; tài sản bị tịch thu hoặc xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Việc bán tài sản nhà nước được thực hiện công khai, theo cơ chế thị trường.

Phương thức bán tài sản nhà nước: Việc bán tài sản nhà nước được thực hiện bằng phương thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trừ các trường hợp được bán chỉ định.

b) Thanh lý tài sản nhà nước

Tài sản nhà nước được thanh lý trong các trường hợp sau đây:

- Đã sử dụng vượt quá thời gian sử dụng theo quy định của chế độ mà không thể tiếp tục sử dụng.
- Bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả.
- Trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Việc thanh lý theo hình thức bán tài sản nhà nước được thực hiện công khai, theo cơ chế thị trường.

Phương thức thanh lý tài sản nhà nước: Tài sản nhà nước được thanh lý theo các phương thức: Bán; phá dỡ, huỷ bỏ tài sản nhà nước. Việc thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức bán được thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp được bán chỉ định.

c) Xác định giá khởi điểm và tổ chức bán đấu giá tài sản

Đối với các tài sản thuộc thẩm quyền bán, đơn vị thuê tổ chức thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng xác định giá để xác định giá khởi điểm của tài sản. Hội đồng xác định giá gồm: Lãnh đạo đơn vị - Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan quản lý cấp trên, đại diện bộ phận

được giao trực tiếp sử dụng tài sản, đại diện bộ phận tài chính - kế toán của đơn vị, đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật (nếu cần), các thành viên khác có liên quan.

d) Bán đấu giá tài sản

Nếu không thuê được tổ chức bán đấu giá thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thành lập Hội đồng bán đấu giá tài sản nhà nước để tự tổ chức bán đấu giá tài sản. Thành phần hội đồng theo thành phần như Hội đồng xác định giá.

đ) Các trường hợp được bán chỉ định tài sản nhà nước (Khoản 2 Điều 20, Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP)

- Tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để sử dụng cho mục đích xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường phù hợp với quy hoạch được duyệt. Nếu có từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích xã hội hoá thuộc các lĩnh vực nêu trên thì thực hiện đấu giá giữa các đối tượng tham gia đăng ký.

- Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản nhà nước và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm.

- Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ hoặc của Thủ tướng Chính phủ.

- Trường hợp thanh lý tài sản nhà nước theo phương thức bán, được bán chỉ định khi tài sản nhà nước đã hết giá trị còn lại theo sổ kế toán. Riêng tài sản là nhà và tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên/01 đơn vị tài sản phải đánh giá lại, nếu giá trị còn lại theo đánh giá lại dưới 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng)/01 đơn vị tài sản thì được bán chỉ định.

8. Cho thuê tài sản (nếu được cho phép):

Giá cho thuê tài sản thực hiện theo phương thức đấu giá nếu gói cho thuê (tính cho cả thời hạn cho thuê) có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên. Nếu gói cho thuê có giá trị dưới 100 triệu đồng thì có thể lựa chọn theo phương thức thông báo công khai và lựa chọn đối tượng có giá thuê cao nhất.

9. Thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu của Nhà nước về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

Nghị định này bãi bỏ Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về việc tặng quà, nhận quà tặng và nộp lại quà tặng của cơ quan, tổ chức, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức (Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg quy định: "*Trường hợp quà tặng bằng hiện vật: a) Xác định giá trị của quà tặng trên cơ sở giá của quà tặng do cơ quan, đơn vị, cá nhân tặng quà cung cấp (nếu có) hoặc giá trị của quà tặng tương tự được bán trên thị trường trong nước hoặc quốc tế mà cơ quan quản lý người được tặng quà có thể so sánh và xác định giá trị. Trong trường hợp không xác định được giá trị của quà tặng bằng hiện vật thì có thể đề nghị cơ quan có chức năng thẩm định giá xác định; b) Tùy theo số lượng hiện vật được nộp lại, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc tổ chức bán hiện vật công khai 3 tháng hoặc 6 tháng một lần; c) Đối với quà tặng quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này và quà tặng là động vật, thực vật, thực phẩm tươi, sống và hiện vật khác khó bảo quản thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình cụ thể để quyết định xử lý cụ thể cho phù hợp; nếu vượt quá thẩm quyền thì báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để xem xét, quyết định xử lý; d) Số tiền thu được (sau khi trừ đi chi phí liên quan đến việc xử lý hiện vật), các cơ quan, đơn vị nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian không*

quá 30 ngày, kể từ ngày bán hiện vật.”).